TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do – Hạnh phúc**
Số: 64/2018/QĐST- HNGĐ	*Yên Mô, ngày 18 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2018/TLST/HNGĐ ngày 01/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Duy L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ các Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trịnh Duy L và chị Vũ Thị H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Trịnh Vũ Hải B, sinh ngày 25/10/2012 cho chị Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B đủ tuổi thành niên. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu Trịnh Vũ Hải B đủ tuổi thành niên.

Anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu B được chung sống với chị . Anh L có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình

không ai được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chị H có đơn đề nghị thi hành án đối với số tiền anh L chậm trả thì anh L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Trịnh Duy L và chị Vũ Thị H đều thống nhất vợ chồng tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Anh Trịnh Duy L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Án phí cấp dưỡng nuôi con Anh Trịnh Duy L phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí anh L phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002049 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình*
- *VKSND huyện Y;*
- *CCTHADS huyện Y;*
- *Các đương sự;*
- *UBND TT Yh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa.